

Neodur® Pool



Lớp phủ polyurethane Aliphatic, lý tưởng cho bể bơi

Mô tả

Lớp phủ polyurethane Aliphatic bóng, hệ dung môi, hai thành phần, với khả năng lọc tia cực tím, lý tưởng để bảo vệ và trang trí bể bơi.

Lĩnh vực ứng dụng

- Bể bơi ngoài trời và trong nhà
- Đài phun nước, bể chứa nước, thuyền
- Bề mặt kim loại và polyester

Các bề mặt cần được chuẩn bị và quét lót thích hợp trước khi thi công **Neodur® Pool**.



Đặc tính – Ưu điểm

- Không bị ảnh hưởng bởi bức xạ tia cực tím và điều kiện thời tiết, có khả năng chống ố vàng đặc biệt – Có khả năng lọc tia cực tím
- Có khả năng chống chịu cao với các hóa chất clo hóa của bể bơi
- Khả năng chống mài mòn và ứng suất cơ học tuyệt vời
- Độ bám dính cao và chống trầy xước
- Chịu được kiềm và axit loãng, các sản phẩm dầu mỡ, nước ngọt, nước biển và nhiều dung môi
- Phạm vi nhiệt độ dịch vụ rộng
- Cũng có thể được sử dụng để tạo ra các sàn chống trượt ngoài trời (ví dụ ở chu vi hồ bơi hoặc trên cầu thang) bằng cách rải cát thạch anh thích hợp hoặc kết hợp phụ gia chống trượt
- Độ bền vượt trội

Đóng gói

Bộ (A+B) 10kg, 5kg và 1kg

Màu sắc

9003	1013
1533	2930
RAL 7035	

Chứng nhận – Báo cáo thử nghiệm

- Chứng nhận CE tuân thủ EN 1504-2
Giấy chứng nhận sự phù hợp Số 1922-CPR-0386
- Báo cáo thử nghiệm của phòng thí nghiệm kiểm soát chất lượng độc lập bên ngoài Geoterra (Số 2023/702_6)
- Tuân thủ yêu cầu hàm lượngV.O.C. theo E.U. Chỉ thị 2004/42/CE

Đặc điểm kỹ thuật

Tỷ lệ trộn A:B (trọng lượng)	75:25
Tỷ trọng (EN ISO 2811-1)	1,30kg/L ($\pm 0,1$)
Độ bóng (60°)	>90
Khả năng chống mài mòn (Taber Test, CS 10/1000/1000, ASTM D4060)	52mg
Cường độ bám dính (EN 1542)	$\geq 3\text{N/mm}^2$
Tính linh hoạt (ASTM D522, uốn cong 180°, trục gá 1/8")	Qua
Độ cứng chịu xước (Sclerometer Test - Elcometer 3092)	10N
Chống trượt (EN 13036-4, bề mặt ẩm ướt, với 2,5% trọng lượng Neotex® Antisk bổ sung)	36 (PTV – slider 55)
Chống trượt (EN 13036-4, bề mặt ẩm ướt, bằng cách rải Cát thạch anh M-32)	>40 (PTV – slider 55)
Tính thấm nước của chất lỏng (EN 1062-3)	$< 0,02\text{kg/m}^2\text{h}^{0,5}$
Độ thấm CO ₂ – Độ dày lớp không khí tương đương khuếch tán Sd (EN 1062-6)	>50m
Tính thấm hơi nước Độ dày lớp không khí tương đương khuếch tán Sd (EN ISO 7783)	>5m (Lớp II)
Nhiệt độ làm việc (tải khô)	-30°C / +80°C
Định mức tiêu thụ: 250-330gr/m² cho 2 lớp (tùy theo chất nền)	

Điều kiện thi công

Độ ẩm mặt nền	<4%
Độ ẩm không khí tương đối (RH)	<70%
Nhiệt độ thi công (môi trường – mặt nền)	+12°C / +35°C

Chi tiết bảo dưỡng

Thời gian sống (RH 50%)	+12°C	1 giờ
	+25°C	45 phút
	+30°C	30 phút
Khô để thi công lớp sau (RH 50%)	+12°C	30 giờ
	+25°C	24 giờ
	+30°C	18 giờ
Đông cứng hoàn toàn	~ 7 ngày	

* Nhiệt độ thấp trong quá trình thi công và/hoặc bảo dưỡng sẽ kéo dài thời gian trên, trong khi nhiệt độ và độ ẩm cao sẽ làm giảm thời gian này

Vật liệu lót thích hợp trên nền xi măng		
	Vật liệu lót	Mô tả - Chi tiết
Hệ dung môi	Epoxol® Primer	Vật liệu lót epoxy hệ dung môi hai thành phần
Không dung môi	Epoxol® Primer SF	Vật liệu lót epoxy hai thành phần không dung môi dành cho các ứng dụng sàn
	Epoxol® Primer SF-P	Vật liệu lót epoxy hai thành phần không dung môi lý tưởng cho các trường hợp
	Neopox® Primer WS	Chất nền có độ xốp tăng
	Neopox® Primer AY	Vật liệu lót epoxy hai thành phần không dung môi dành cho bề mặt ẩm ướt
Hệ nước	Acqua Primer	(không có nước đọng hoặc độ ẩm tăng cao)
Vật liệu lót thích hợp trên nền kim loại (sắt - thép)		
Hệ dung môi	Neopox® Primer 815	Vật liệu lót epoxy hệ dung môi hai thành phần chống ăn mòn thích hợp cho bề mặt kim loại
	Neopox® Special Primer 1225	
Vật liệu lót thích hợp trên nền mạ kẽm - thép không gỉ		
Hệ nước	Neotex® Inox Primer	Vật liệu lót hệ nước, một thành phần, lý tưởng cho inox, nhôm, bề mặt mạ kẽm

Hướng dẫn sử dụng

Chuẩn bị mặt nền

Bê tông - Vữa xi măng

Bề bê tông phải được chống thấm hoàn toàn trước - vì mục đích này, nên áp dụng hệ thống chống thấm gốc xi măng phù hợp (ví dụ **Revinex® Flex U360**) trên bề mặt bê tông, tối thiểu 3 lớp, cũng như một lớp làm mịn thích hợp.

Bê tông tối thiểu phải Cấp C20/25, có độ bền kéo $\geq 1,5\text{MPa}$, đã được bảo dưỡng ít nhất 28 ngày và thực hiện tất cả các biện pháp bảo dưỡng cần thiết trong thời gian bảo dưỡng.

Bề mặt xi măng mà hệ thống lớp phủ bảo vệ của **Neodur® Pool** sẽ được áp dụng phải được chuẩn bị cơ học đúng cách để làm phẳng những điểm không đồng đều, đạt được bề mặt có kết cấu mở và đảm bảo độ bám dính tối ưu.

Bề mặt phải khô và được bảo vệ khỏi độ ẩm tăng lên, ổn định, sạch sẽ và không có bụi, dầu mỡ, v.v. Vật liệu bỏ rời phải được loại bỏ hoàn toàn bằng cách chải hoặc chà nhám bằng máy phù hợp và máy hút bụi có lực hút cao.

Bề mặt phải mịn và phẳng nhất có thể, cũng như liên tục (tức là không có khoảng trống, vết nứt, v.v.)

Việc sửa chữa bề mặt, trám các mối nối, lỗ phun/khoảng trống và san bằng bề mặt phải được thực hiện bằng cách sử dụng các sản phẩm sửa chữa thích hợp, chẳng hạn như bột trét epoxy **Epoxol® Putty**, sau khi sơn lót thích hợp.

Bề mặt kim loại (sắt – thép)

Bề mặt kim loại phải được chuẩn bị đúng cách bằng cách phun cát hoặc chà nhám bằng bàn chải sắt và phải khô, không có bụi, chất bẩn, chất nhờn và dầu cũng như bất kỳ lớp phủ bám dính kém nào. Ở những khu vực bị rỉ sét, nên áp dụng cục bộ chất tẩy rỉ sét hóa học **Neodur® Metalforce**. Bề mặt kim loại mới nên được tẩy dầu mỡ bằng dung môi **Neotex® 1021**.

Vật liệu lót

Vệ sinh bề mặt và bịt kín các lỗ rỗng trên bề mặt, cũng như để tạo điều kiện tối ưu cho độ bám dính mạnh hơn và độ che phủ cao hơn của lớp phủ polyurethane tiếp theo, nên sử dụng vật liệu lót epoxy **Epoxol®** hệ dung môi hoặc một loại vật liệu lót thích hợp thay thế **NEOTEX®** quét lót (xem bảng), tùy thuộc vào chất nền. Trong trường hợp chất nền có độ xốp tăng lên, có thể cần thêm một lớp vật liệu lót bổ sung.

Thi công

Lớp phủ polyurethane mịn

Sau khi lớp vật liệu lót khô để thi công lớp tiếp theo, nên thi công lớp đầu tiên của **Neodur® Pool** pha 10% trọng lượng với dung môi **Neotex® PU 0413**, bằng con lăn, cọ hoặc thiết bị phun. Lớp thứ hai được thi công theo cách tương tự ~ 24 giờ sau khi thi công lớp thứ nhất (tùy thuộc vào điều kiện khí quyển), pha 5-10% trọng lượng với dung môi **Neotex® PU 0413**. Đối với bất kỳ lớp bổ sung nào, **Neodur®** Bể bơi phải được pha 5% trọng lượng với dung môi **Neotex® PU 0413**.

Hai thành phần A & B được trộn theo tỷ lệ xác định trước (75A : 25B trọng lượng) và sau khi thêm dung môi, chúng được khuấy đều khoảng 3-5 phút bằng máy khuấy điện tốc độ thấp. Điều quan trọng là phải khuấy kỹ ở đáy thùng cũng như gần các thành để chất làm cứng (thành phần B) được phân bố đều.

Hỗn hợp được để trong một khoảng thời gian ngắn trong thùng chứa (~1-2 phút) rồi thi công. Trước khi trộn, nên khuấy cơ học thành phần A.

Định mức tiêu thụ của **Neodur® Pool**: 0,25-0,33kg/m²/ 2 lớp

Lớp phủ polyurethane chống trượt có bổ sung Neotex® Antiskid M

Sau khi lớp vật liệu lót khô để thi công lớp kế tiếp, **Neodur® Pool** được thi công như đã đề cập ở trên bằng con lăn, cọ hoặc thiết bị phun. Trong quá trình trộn **Neodur® Pool** trước khi thi công lớp cuối cùng của hệ thống, phụ gia chống trượt **Neotex® Antiskid M** được đưa vào hỗn hợp với tỷ lệ 1,5-2,5% trọng lượng. Sau đó, hỗn hợp được khuấy lại bằng máy khuấy điện tốc độ thấp trong khoảng 1 phút và **Neodur® Pool** được phủ lên bề mặt bằng con lăn hoặc cọ.

Định mức tiêu thụ của **Neodur® Pool**: 0,25-0,33kg/m²/2 lớp

Lớp phủ polyurethane chống trượt có rải cát thạch anh M-32

Sau khi thi công lót và thi công lớp **Neodur® Pool** đầu tiên (pha loãng 10% trọng lượng với dung môi **Neotex® PU 0413**), nên rải Cát Thạch Anh M-32 cho đến khi bão hòa trên lớp **Neodur® Pool** vẫn còn mới, với lượng cát tiêu thụ ước tính khoảng 2-3kg/m². Sau khi khô, bất kỳ hạt rời nào phải được loại bỏ bằng máy hút bụi có lực hút cao và mọi bất thường trên bề mặt phải được chà nhám.

Sau đó, bề mặt được phủ kín bằng **Neodur® Pool**, pha loãng 5-10% trọng lượng với dung môi **Neotex® PU 0413**, thi công thành 1 hoặc 2 lớp, tùy thuộc vào khả năng chống trượt mong muốn.

Mức tiêu thụ dự kiến của **Neodur® Pool**: ~0,40-0,50kg/m² trong hai hoặc ba lớp

Hệ thống thảm cát chống trơn trượt (cát trông lý tưởng cho lối vào hồ bơi và các khu vực xung quanh)
Sau khi thi công lót và trong quá trình thi công lớp thứ nhất hoặc lớp thứ hai (tùy thuộc vào chất nền) của **Neodur® Pool** màu be nhạt 1013, nên rải Cát thạch anh M-32 cho đến khi bão hòa trên lớp **Neodur® Pool** còn mới, với lượng cát tiêu thụ ước tính khoảng 2-3kg/m². Sau khi khô, bất kỳ hạt rời nào phải được loại bỏ bằng máy hút bụi có lực hút cao và mọi bất thường trên bề mặt phải được chà nhám.

Sau đó, bề mặt được phủ kín bằng **Neodur® Varnish**, được thi công bằng con lăn thành 3 lớp.

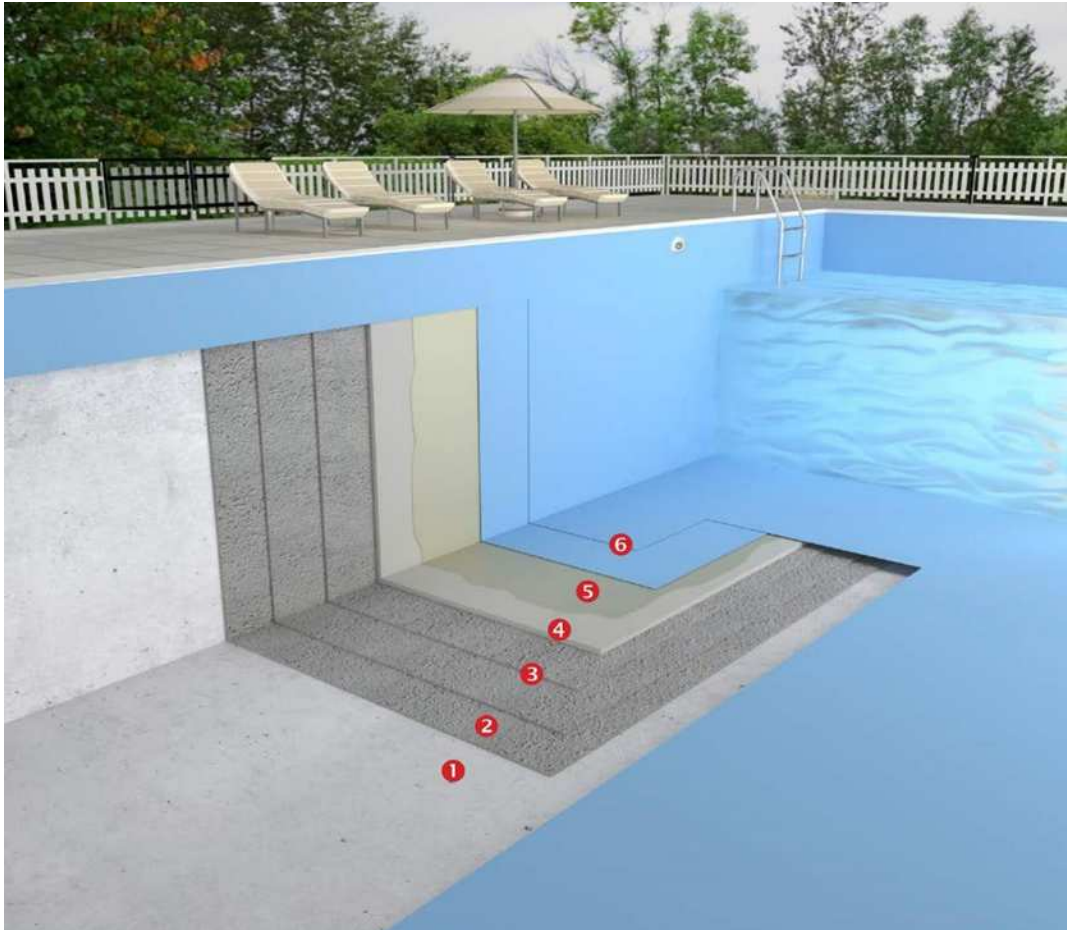
Định mức tiêu thụ **Neodur® Pool**: 0,20-0,35kg/m² trong một hoặc hai lớp

Định mức tiêu thụ **Neodur® Varnish**: 0,35-0,50kg/m² trong ba lớp

Lưu ý đặc biệt

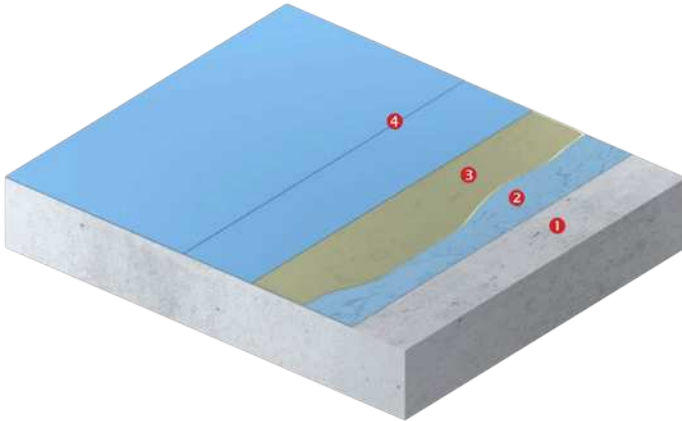
- Không được thi công **Neodur® Pool** trong điều kiện ẩm ướt, hoặc nếu điều kiện ẩm ướt hoặc thời tiết mưa dự kiến sẽ xuất hiện trong quá trình thi công hoặc trong thời gian bảo dưỡng của sản phẩm.
- Không nên bảo quản các thành phần ở nhiệt độ quá thấp hoặc quá cao, đặc biệt là trước khi trộn. Trộn và khuấy hỗn hợp tốt nhất nên được thực hiện trong bóng râm. Việc khuấy trộn hỗn hợp phải được thực hiện bằng cơ học, không được thực hiện thủ công bằng que,...
- Cần tránh khuấy vật liệu quá mức để giảm thiểu nguy cơ bị kẹt không khí. Sau khi khuấy hỗn hợp, nên thi công vật liệu trong thời gian ngắn để tránh nhiệt độ tăng cao và khả năng đông cứng bên trong thùng.
- Nhiệt độ bề mặt phải cao hơn điểm sương ít nhất 3°C để giảm nguy cơ ngưng tụ hoặc nở hoa trên mặt sàn
- Trong trường hợp giữa các lớp kế tiếp đã trải qua một khoảng thời gian dài (>36 giờ), nên chà nhám nhẹ bề mặt của lớp trước để tránh các vấn đề về độ bám dính có thể xảy ra của lớp tiếp theo.
- Trước khi thi công lên lớp phủ epoxy hoặc polyurethane hiện có, cần chà nhám nhẹ toàn bộ bề mặt
- Tùy thuộc vào khả năng chống trượt mong muốn, việc rải thạch anh có thể được thực hiện bằng cách sử dụng cát thạch anh có kích thước hạt lớn hơn (ví dụ 0,4-0,8mm). Trong trường hợp đó, số lượng lớp bịt kín và tổng mức tiêu thụ có thể tăng lên

Chỉ định hệ thống xây dựng



CHỐNG THẤM VÀ BẢO VỆ BỂ BƠI

- ❶ Bê tông
- ❷ Revinex[®] Flex FP (tối thiểu 1 lớp)
- ❸ Revinex[®] Flex U360 (tối thiểu 2 lớp)
- ❹ Lớp làm mịn
- ❺ Epoxol[®] Primer (hoặc thay thế bằng vật liệu lót epoxy NEOTEX[®])
- ❻ Neodur[®] Pool (tối thiểu 2 lớp)



Chất nền: Vật liệu cũ

Hình thức sau cùng: Vật liệu mới

❶ Bê tông

❷ **Vật liệu cũ:** Bằng phương pháp cơ học, chà nhám và kiểm tra – nếu cần, trát bằng

Epoxol® Putty


❸ **Epoxol® Primer** (hoặc thay thế bằng vật liệu lót epoxy NEOTEX®)

❹ **Neodur® Pool** (tối thiểu 2 lớp)

Điều kiện tiên quyết cho hồ bơi

- Hồ bơi phải được đổ đầy nước sau ít nhất 7 ngày kể từ khi thi công lớp **Neodur® Pool** cuối cùng, tùy thuộc vào điều kiện thời tiết hiện tại trong quá trình bảo dưỡng.
- Nên quản lý việc cân bằng và duy trì tính chất hóa học của nước một cách chuyên nghiệp. Mức độ hóa học được đề xuất cho các khía cạnh quan trọng nhất cần cân bằng là:
 - Độ kiềm tổng (TA): ~150ppm
 - Độ pH: 7,2 - 7,6
 - Độ cứng canxi: ~300ppm
 - Clo ở mức thấp nhất có thể - Lý tưởng nhất là 0,5-1,5ppm / luôn dưới 3ppm
- Tất cả các hóa chất phải được hòa tan trước vào bể và bằng cách khuấy trộn dung dịch pha loãng bên trong bể để tránh nồng độ lớn ở nhiều nơi
- Phải tránh dùng thuốc diệt tảo ở mức độ cao và khử trùng bằng clo quá mức vì điều này có thể dẫn đến sự xuất hiện ngay lập tức của vết phẩn
- Nên thực hiện bảo trì hàng tháng để loại bỏ muối lắng đọng bằng cách dùng chổi lông dài và chải kỹ các bức tường và sàn hồ bơi. Sau khi chà sạch bề mặt, cần phải được để lắng và sau đó được loại bỏ bằng các phương tiện thích hợp (hút chân không, chất keo tụ, v.v.)

Hình thức (đã ninh kết)	Bóng
Màu sắc	Trắng, Be nhạt 1013, Xanh nhạt 1533 Xanh da trời 2930, Xám nhạt RAL 7035 Có sẵn trong các sắc thái khác theo yêu cầu
Đóng gói	Bộ (A+B) 10kg, 5kg và 1kg đựng trong thùng kim loại
Vệ sinh dụng cụ – Tẩy vết bẩn	Bằng Neotex® PU 0413 ngay sau khi thi công. Trong trường hợp vết bẩn cứng lại, bằng biện pháp cơ học
Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (V.O.C.)	Giới hạn hàm lượng V.O.C. tuân thủ E.U. Chỉ thị 2004/42/CE đối với sản phẩm thuộc danh mục A ₁ SB: 500g/l (Giới hạn 1.1.2010) - Hàm lượng V.O.C. sản phẩm dùng ngay <500g/l
Mã UFI	Thành phần A: GJM0-R020-Q00D-VDW6 Thành phần B: RNM0-70RE-000V-JRGF
Độ ổn định lưu trữ	<i>Thành phần A:</i> 2 năm, được bảo quản trong bao bì kín ban đầu, tránh sương giá, độ ẩm và tiếp xúc với ánh sáng mặt trời <i>Thành phần B:</i> 1 năm, được bảo quản trong bao bì kín ban đầu, tránh sương giá, độ ẩm và tiếp xúc với ánh sáng mặt trời

 1922	
NEOTEX S.A. V.Moira str., P.O. Hộp 2315 Khu công nghiệp GR 19600 Mandra, Athens, Hy Lạp 24	
1922-CPR-0386 DoP Số.: 4950-99 EN 1504-2 Neodur® Pool Sản phẩm bảo vệ bề mặt Sơn phủ	
Tính thấm hơi nước	Lớp II
Cường độ bám dính	$\geq 1,5\text{N/mm}^2$
Sự hấp thụ mao mạch và tính thấm nước	$W < 0,1\text{Kg/m}^2\text{h}^{0,5}$
Ính thấm CO ₂	$S_D > 50\text{m}$
Phản ứng với lửa	Euroclass F
Chất nguy hiểm	Tuân thủ 5.3

Thông tin được cung cấp trong bảng dữ liệu này, liên quan đến cách sử dụng và ứng dụng của sản phẩm, dựa trên kinh nghiệm và kiến thức về NEOTEX® SA. Nó được cung cấp như một dịch vụ cho các nhà thiết kế và nhà thầu để giúp họ tìm ra các giải pháp tiềm năng. Tuy nhiên, với tư cách là nhà cung cấp, NEOTEX® SA không kiểm soát việc sử dụng thực tế sản phẩm và do đó không thể chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng sản phẩm. Do sự phát triển kỹ thuật liên tục, khách hàng có trách nhiệm kiểm tra với bộ phận kỹ thuật của chúng tôi để đảm bảo rằng bảng dữ liệu hiện tại này không bị sửa đổi bởi phiên bản mới hơn.

HEADQUARTERS - PLANT
 V. Moira str., Xiropigado
LOGISTICS SALES & CENTER
 Loutsas str., Voro

P.O. Box 2315, GR 19600
 Industrial Area Mandra
 Athens, Greece
 T. +30 210 5557579

NORTHERN GREECE BRANCH
 Ionias str., GR 57009
 Kalochori, Thessaloniki, Greece
 T. +30 2310 467275